TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314 /2019/DS-PT
Ngày: 23/9/2019
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Ông Trương Phước Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2019/TLPT-DS ngày 30/7/2019 về việc "Tranh chấp dân sự về Hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1970;

Ông Trần Văn T, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn Ông Trần Văn T là chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn N và đại diện ủy quyền của bị đơn T vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày:

Bà Hà Thị N và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Ngày 15/10/2016 (âl) bà Y mở dây hụi 1.000.000đ/phần, hụi có 23 phần, vợ chồng bà Y, ông T có tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Cậu Mợ T" (Hen). Hụi mở lần thứ 2 (ngày 15/11/2016 - âl) ông T, bà N bỏ hụi 400.000đồng thì hốt hụi được số tiền 13.300.000đồng; bà Y đã giao hụi cho ông T, bà N nhận ngày 25/11/2016 - âl. Sau khi hốt hụi ông T, bà N nộp hụi chết được 09 lần (từ 15/12/2016 – 15/8/2017) số tiền 9.000.00đồng thì ngưng. Bà Y có yêu cầu nhiều lần nhưng bà N và ông T không đóng hụi chết, ngày 09/12/2017 tại biên bản hòa giải ấp A thì bà N, ông T xác nhận còn nợ tiền hụi bà Y như đã trình bày và hứa sau khi có quyết định thi hành án vụ kiện do bà L khởi kiện thì sẽ trả số tiền theo yêu cầu bà Y. Nay vụ kiện của bà L đã giải quyết xong nhưng bà N, ông T không trả nợ nên bà Y khởi kiện yêu cầu bà N, ông T trả 12.000.000đồng tiền bà choàng hụi, không yêu cầu tính lãi (đã mãn hụi 23/8/2018 – âl).

- Bị đơn ông Trần Văn T ủy quyền chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

Việc vợ ông là bà Hà Thị N tham gia chơi hụi với bà Y, ông T không biết, ông không tham gia giao dịch gì với bà Y. Khi bà Y đến nhà đòi nợ, đập bàn Thông Thiên nhà ông T, vì muốn yên ổn nên ông có ký tên vào biên bản hòa giải ở ấp A ngày 09/12/2017; bà N có thương lượng với bà Y chờ khi Tòa án xét xử xong vụ kiện khác thì sẽ đóng hụi cho bà Y. Nay ông T không đồng ý liên đới với bà N trả nợ, nhưng vì là vợ chồng nên ông đồng ý thay mặt bà N trả cho bà Y tiền hụi vốn 5.000.000đồng; không đồng ý trả 12.000.000đồng.

Bị đơn bà N vắng mặt, Tòa sơ thẩm đã tống đạt văn bản cho ông T nhận thay nhưng ông T từ chối nên đã niêm yết và xử vắng mặt bà Hà Thị N.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án huyện C đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Y;

Buộc ông Trần Văn T và bà Hà Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Y số tiền nợ hụi là 12.000.000đồng (Mười hai triệu); bà Y không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T và Bà Hà Thị N phải chịu 600.0000đồng.

Hoàn trả cho Bà Lê Thị Y 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu số 02966 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thực hiện trả tiền, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 29/5/2019 ông Trần Văn T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm lại vụ án.

- Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm:

+ Bà Lê Thị Y là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T, bà N trả 12.000.000đồng.

+ Ông Trần Văn T là bị đơn ủy quyền cho chị Trần Thị Cẩm T (vắng mặt) theo đơn kháng cáo ông T chỉ đồng ý trả bà Y 5.000.000đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn T là bị đơn ủy quyền cho chị Trần Thị Cẩm T, tuy nhiên ngày 20/9/2019 chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện ủy quyền của bị đơn là chị Trần Thị Cẩm T.

[2] Xét ông Trần Văn T kháng cáo chỉ đồng ý trả bà Lê Thị Y số tiền 5.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 15/10/2016 (âl) bà Y mở dây hụi 1.000.000đ/phần, hụi có 23 phần, vợ chồng bà Y, ông T có tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Cậu Mợ T" (Hen). Ông T cho rằng ông không tham gia chơi hụi do bà Y làm chủ là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại lần mở hụi lần thứ 2 (ngày 15/11/2016 - âl) ông T, bà N bỏ hụi và hốt hụi số tiền 13.300.000đồng; căn cứ vào "Danh sách ký tên nhận tiền hụi" thể hiện tháng 11/2016 có chữ viết tên "Trần Văn T". Chị Trần Thị Cẩm T là đại diện ủy quyền của ông T không thừa nhận, nhưng chị cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chữ viết tên "Trần Văn Tám" trên Danh sách ký tên nhận tiền hụi không phải là chữ viết của ông T. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 09/12/2017 của Tổ hòa giải ấp A (*BL 25*) cũng có chữ ký tên của ông T, cùng vợ là bà N cam kết sẽ trả tiền bà Y đã choàng hụi cho bà N và ông T. Do vậy, việc ông T cho rằng không biết, không có tham gia giao dịch hụi với bà Y là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Việc ông T cho rằng số tiền nhận hốt hụi 13.300.000đồng, đã đóng được 09 lần hụi (từ ngày 15/12/2016 – 15/8/2017) số tiền 9.0000.000đồng nên nay chỉ đồng ý trả 5.000.000đồng. Xét thấy, ông T, bà N tham gia chơi phần hụi do bà Y làm chủ là hụi có lãi, nay chỉ đồng ý trả số tiền hốt hụi gốc là không phù hợp. Bởi lẽ, sau khi hốt hụi ông T, bà N không đóng hụi nên bà Y đã choàng hụi các phần còn lại và hiện hụi đã mãn, những người tham gia chơi hụi như bà Trịnh Thị Bé N, bà Đỗ Thị H, ông Võ Văn C, ông Nguyễn Văn B.v.v… cũng xác nhận việc có biết bà N, ông T tham gia dây hụi mở ngày hụi 15/10/2016 (âl) do bà Y làm chủ. Do vậy, án sơ thẩm buộc ông T, bà N có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền choàng hụi 12.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với số tiền bà Y choàng hụi cho ông T, bà N nhưng bà Y không yêu cầu tính lãi nên Tòa không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của ông T là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện C.

[6] Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện C. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Buộc bà Hà Thị N, ông Trần Văn T liên đới trả cho bà Lê Thị Y số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Tám, bà N phải chịu 600.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Y 300.000đồng đã nộp theo biên lai số 02966, ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0002017 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C (ông T đã nộp xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. C;
- Chi cục THADS h. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (*vh*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Lãnh, ngày 23 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, 00 phút ngày 23/9/2019;
Tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
Với Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ; Ông Trương Phước Tự.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 336/2019/TLPT-DS ngày 30/7/2019 "V/v tranh chấp dân sự Hụi" giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số 25, ấp An Hòa, xã An Khánh, huyện Châu Thành, ĐồngTháp

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1970;

Ông Trần Văn T, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn Ông Trần Văn T là chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Văn T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Buộc Bà Hà Thị N, Ông Trần Văn T liên đới trả cho Bà Lê Thị Y số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi

theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Tám, bà N phải chịu 600.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

+ Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Bà Lê Thị Y 300.000đồng đã nộp theo biên lai số 02966, ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0002017 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (ông T đã nộp xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ 00 phút, ngày 23/9/2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Huỳnh Thanh Mỹ - Trương Phước Tự	**Nguyễn Thị Vĩnh**